

**DÂN**  
**TÒA ÁN NHÂN**  
**HUYỆN HƯNG NGUYÊN**  
**TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 02/2020/DS-ST

Ngày 14/8/2020

“V/v: tranh chấp thừa kế tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phan Hương;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Đức Hạnh;

2. Ông Nguyễn Văn Thành;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phi Thăng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 06/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp “*thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐHPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Th, sinh năm: 1972; Địa chỉ nơi cư trú: Khối V, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt

**- Bị đơn:** Ông Lê Sỹ H, sinh năm: 1957; địa chỉ nơi cư trú: X 8, xã H Th, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lê Sỹ D; sinh năm 1964; địa chỉ nơi cư trú: Khối H, thị trấn Q, huyện Q H tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Ông Lê S V; sinh năm 1968; địa chỉ nơi cư trú: X 8, xã H Th, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Bà Lê Thị Ng; sinh năm 1976; địa chỉ nơi cư trú: X 1, xã H T, huyện H

Ng, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2017, cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, *nguyên đơn là bà Lê Thị Th trình bày:*

Cụ Lê T S, sinh năm 1935 và cụ Trần Thị T, sinh năm 1934 là vợ chồng. Hai cụ sinh được 05 người con gồm:

Ông Lê Sỹ H, sinh năm: 1957; địa chỉ nơi cư trú: X 8, xã H Th, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An.

Ông Lê Sỹ D; Sinh năm 1964; địa chỉ nơi cư trú: Khối H, thị trấn Q, huyện Q H tỉnh Nghệ An.

Ông Lê S V; Sinh năm 1968; địa chỉ nơi cư trú: X 8, xã H Th, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An.

Bà Lê Thị Ng; sinh năm 1976; địa chỉ nơi cư trú: X 1, xã H T, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An.

Bà Lê Thị Th; sinh năm: 1972; Địa chỉ nơi cư trú: Khối V, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Năm 1997 ông Lê T S chết không để lại di chúc.

Năm 2014 bà Trần Thị T chết không để lại di chúc.

Di sản do hai cụ để lại là thửa đất số 681 có diện tích 802 m<sup>2</sup> tại X 8, xã H T, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An. Tài sản gắn liền với thửa đất có 01 ngôi nhà gỗ 03 gian và 01 gian nhà bếp đã cũ.

Ông Lê Sỹ H đã lập gia đình và có nhà riêng cạnh đất của bố mẹ.

Ông Lê Sỹ D đã lập gia đình và có nhà riêng tại thị trấn Quỳnh Hợp.

Ông Lê S V đã lập gia đình và có nhà riêng cạnh đất của bố mẹ.

Bà Lê Thị Ng đã lập gia đình và có nhà riêng tại X 1, xã H T, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An.

Hiện nay, chỉ còn bà Lê Thị Th đã ly hôn chồng, không có nhà để ở, một mình nuôi 02 con nên đã trình bày với anh chị em trong gia đình cho bà một thửa đất khoảng hơn 100 m<sup>2</sup> trong tài sản bố mẹ để để lại để tạo lập chỗ ở. Nhưng không được anh em trong gia đình đồng ý. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện lên Tòa án Hưng Nguyên yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê T S và cụ Trần Thị T.

*Tại bản tự khai ngày 14 tháng 4 năm 2017 ông Lê Sỹ D trình bày:* Phần diện tích đất chỗ có ngôi nhà gỗ 03 gian và bếp là nơi để thờ cúng tổ tiên ông bà không nên chia; phần diện tích đất Ao, từ trước đến nay, ông bà bố mẹ truyền lại

là có sự linh thiêng nên giữ nguyên. Đề nghị Tòa chia thừa kế cho bà T theo pháp luật.

Bị đơn là ông Lê Sỹ H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê S V và bà Lê Thị Ng tham gia tại phiên họp Công khai chứng cứ, ký nhận tất cả văn bản tố tụng Tòa gửi nhưng không hợp tác, không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là chia di sản thừa kế của cụ Lê T S và cụ Trần Thị T. Phần di sản bà T được nhận cụ thể tại các điểm ABCE có tổng diện tích là 103 m<sup>2</sup>. Trong đó, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 98,7m<sup>2</sup>. Tạm giao cho bà T phần diện tích do lấn chiếm không có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4,3 m<sup>2</sup>. Phần còn lại là 01 ngôi nhà gỗ 03 gian, 01 ngôi nhà bếp trên diện tích đất 318m<sup>2</sup> và 01 cái Ao có diện tích 376m<sup>2</sup> vẫn tiếp tục giao cho ông Lê Sỹ H trực tiếp quản lý, sử dụng. (Chi tiết có sơ đồ kèm theo)

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về tố tụng:*

*Về sự vắng mặt của các đương sự:* Bị đơn là ông Lê Sỹ H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê S V và bà Lê Thị Ng được Tòa triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, ông Lê Sỹ D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

*Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

*Về thời điểm mở thừa kế:* Cụ Lê T S mất ngày 10 tháng 4 năm 1998, cụ Trần Thị T mất ngày 25 tháng 4 năm 2015. Do vậy, thời điểm mở thừa kế của cụ Sỹ là ngày 10 tháng 4 năm 1998, thời điểm mở thừa kế của cụ Tâm là ngày 25 tháng 4 năm 2015.

*Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 12 tháng 01 năm 2017 nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Sỹ và cụ Tâm. Áp dụng Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu chia di sản thừa kế của cả cụ Sỹ và cụ Tâm còn trong thời hiệu khởi kiện.

*Về hàng thừa kế thứ nhất:* Theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ Sỹ và cụ Tâm có 05 người: Ông Hùng, ông Dũng, ông Vinh, bà Ngân và bà T.

*Về yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bị đơn là ông Lê Sỹ H không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê S V và bà Lê Thị Ng không có yêu cầu độc lập. Ông Lê Sỹ D không có yêu cầu chia thừa kế nhưng đồng ý chia cho bà T theo quy định của pháp luật.

*Về yêu cầu chia thừa kế của bà T:* Cụ Sỹ và cụ Tâm chết không để lại di chúc nên việc bà Lê Thị Th yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Tâm và cụ Sỹ theo quy định của pháp luật là phù hợp Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[2]. *Về nội dung:*

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13 tháng 7 năm 2017 xác định diện tích đất của cụ Lê T S và cụ Trần Thị T tại thửa 681, tờ bản đồ địa chính số 8 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 802 m<sup>2</sup>; theo hiện trạng sử dụng diện tích còn 797 m<sup>2</sup>.

Trong đó phần diện tích vị trí có 01 ngôi nhà gỗ 03 gian và 01 ngôi nhà bếp là 318 m<sup>2</sup>; Phần diện tích vị trí có cái Ao là 376 m<sup>2</sup>. Phần còn lại là khoảng trống giữa cái Ao và ngôi nhà 03 gian có diện tích là 103 m<sup>2</sup>. Trong tổng số diện tích 103 m<sup>2</sup> có 4,7 m<sup>2</sup> là diện tích do lấn chiếm.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Th phù hợp với lời trình bày của ông Lê Sỹ D và phù hợp với hiện trạng thửa đất cũng như phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự về chia thừa kế tại các Điều 645; Điều 649, Điều 650, Điều 651 nên được chấp nhận.

[3]. *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* Bà T có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và tự nguyện chịu chi phí này nên bà T phải chịu 5.000.000 đồng. Bà T đã nộp đủ.

[4]. *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần giá trị tài sản được chia. Cụ thể: 98,7 m<sup>2</sup> x 300.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5% = 1.480.500 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 623; Điều 649, Điều 650, Điều 651; Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thừa số 681, tờ bản đồ địa chính số 8, diện tích 802 m<sup>2</sup> thuộc quyền sở hữu của cụ Lê T S và cụ Trần Thị T.

Xác nhận cụ Lê T S và cụ Trần Thị T chết không để lại di chúc.

Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ Sỹ và cụ Tâm có 05 người gồm: Ông H, ông D, ông V, bà N và bà Th.

Xác nhận di sản thừa kế của hai cụ để lại đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Trần Thị T năm 1996 là thửa đất số 681 có diện tích 802 m<sup>2</sup> tại X 8, xã H T, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An. Tài sản gắn liền với thửa đất gồm có 01 ngôi nhà gỗ 03 gian và 01 ngôi nhà bếp đã cũ.

Xác nhận thửa đất số 681 theo hiện trạng sử dụng diện tích còn 797 m<sup>2</sup> tại X 8, xã H Th, huyện H Ng, tỉnh Nghệ An.

Xác nhận di sản trên được chia 05 phần.

Nhưng ông H , ông D, ông V, bà N không có yêu cầu nên Tòa không xem xét.

Xác nhận bà T được nhận một phần di sản thừa kế của cụ Sỹ và cụ Tâm để lại, cụ thể tại các điểm M3, M4, M9, M10 có tổng diện tích là 103 m<sup>2</sup>. Trong đó, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 98,7m<sup>2</sup>. Tạm giao cho bà T phần diện tích do lấn chiếm không có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4,3 m<sup>2</sup> có tứ cận như sau:

Điểm M3, M4 giáp đường xóm, dài 4,80 mét;

Điểm M4, M9 giáp Ao, dài 22,25 mét;

Điểm M9, M10 giáp thửa 770, dài 4,19 mét;

Điểm M10, M3 giáp nhà bếp dài 22,40 mét.

(Chi tiết có sơ đồ kèm theo)

Phần còn lại là 01 ngôi nhà gỗ 03 gian, 01 ngôi nhà bếp trên diện tích đất 318m<sup>2</sup> và 01 cái Ao có diện tích 376m<sup>2</sup> từ trước đến nay do ông H quản lý nay vẫn tiếp tục giao cho ông Hùng trực tiếp quản lý, sử dụng. (Chi tiết có sơ đồ kèm theo)

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Th phải chịu là 1.480.500 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật.

*Nơi nhận :*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

*-TAND tỉnh Nghệ An;*

**THẨM**

**PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*- VKSND huyện Hưng Nguyên;*

*- Đương sự;*

*- Chi cục THA DS huyện Hưng Nguyên;*

*- Lưu hồ sơ, VP.*

**Nguyễn Thị Phan Hương**